

NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH BÌNH THƯỜNG HÓA QUAN HỆ CHÍNH TRỊ VIỆT NAM – TRUNG QUỐC (1986–1991)

Nguyễn Thị Phương

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU–HCM)

TÓM TẮT

Tác động đến quan hệ chính trị Việt Nam – Trung Quốc trong giai đoạn 1989 – 1991 có cả nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài. Tùy từng thời điểm lịch sử khác nhau mà các nhân tố này cũng có những tác động ở mức độ khác nhau. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, việc giải quyết vấn đề Campuchia, sự xuất hiện ngày càng tăng ảnh hưởng của Mỹ, những thay đổi trong tam giác quan hệ Việt – Trung – Xô, nhu cầu đổi mới của Việt Nam, sự đổi mới tư duy đối ngoại của Việt Nam, những tính toán chiến lược của Trung Quốc... là những yếu tố nổi bật trong quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam – Trung Quốc. Dù mỗi quan hệ chính trị Việt – Trung có vận động và phát triển theo xu hướng nào thì các nhân tố bên trong vẫn đóng vai trò quyết định mối quan hệ thăng trầm này.

Từ khóa: quan hệ, chính trị, Việt Nam, Trung Quốc

*

Trong hơn 30 năm trở lại đây, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc diễn ra nhiều biến cố. Năm 1979, Trung Quốc phát động cuộc chiến tranh biên giới; năm 1988 Trung Quốc đã đánh chiếm một số đảo ở quần đảo Trường Sa của Việt Nam; năm 1991 hai nước bình thường hóa quan hệ⁽¹⁾. Bài viết này góp phần tìm hiểu và lý giải những nhân tố tác động đến quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn 1986–1991.

1. Tác động từ bên ngoài

Sự vận động và phát triển của mỗi quốc gia phụ thuộc rất lớn vào sự dịch chuyển của các yếu tố quốc tế. Quan hệ Việt Nam – Trung Quốc giai đoạn 1986 – 1991 có sự chi phối lớn từ nhân tố bên ngoài, bốn nhân tố mà người viết cho là quan trọng tác động trực tiếp đến quá trình bình thường hóa

quan hệ Việt – Trung là: sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, nhân tố Mỹ, vấn đề Campuchia, tam giác quan hệ Việt – Trung – Xô

1.1. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô – Đông Âu làm thay đổi tương quan lực lượng bất lợi cho phong trào cộng sản và công nhân thế giới, làm thay đổi cục diện thế giới, tác động mạnh mẽ tới sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của các nước lớn nói chung và sự điều chỉnh chính sách của hai nước Việt Nam và Trung Quốc nói riêng.

Đối với Việt Nam, sự kiện Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ là một tổn thất lớn. Sau năm 1975 để khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh, Việt Nam nhận được sự viện trợ to lớn từ các nước xã

hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô, “viện trợ kinh tế và khoản nợ mà các nước dành cho Việt Nam ước tính khoảng 1 – 2 tỷ USD trung bình mỗi năm trong những năm 80”⁽²⁾, việc Liên Xô sụp đổ đồng nghĩa với việc Việt Nam mất một nguồn viện trợ lớn, chỗ dựa tin cậy không còn, buộc Việt Nam phải tìm kiếm đối tác mới về kinh tế – chính trị để sớm thoát khỏi tình trạng khó khăn. Trong hoàn cảnh đang bị cô lập, Việt Nam phải tìm một lối thoát mới cho mình, xét các quốc gia có những điểm tương đồng, thì Trung Quốc là một đối tượng khiến Việt Nam phải cân nhắc vì cả hai quốc gia có cùng hệ tư tưởng, có nhiều nét tương đồng về văn hóa.

Với Trung Quốc, sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, cả Việt Nam và Trung Quốc đều được coi là những nước hiếm hoi trên thế giới còn duy trì chế độ xã hội chủ nghĩa, cả hai đều muốn coi nhau là chỗ dựa xuất phát từ nhiều mục đích. Vì vậy, sự kiện này tác động rất lớn đến mối quan hệ Việt – Trung, thúc đẩy hai quốc gia này nhanh chóng bình thường hóa, xích lại gần nhau hơn.

1.2. Giải quyết vấn đề Campuchia

Sau khi đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược trên biên giới Tây Nam, quân tình nguyện Việt Nam đã giúp nhân dân Campuchia tiêu diệt nạn diệt chủng Polpot – tội ác trong lịch sử nhân loại. Trung Quốc và cộng đồng quốc tế phản đối gay gắt Việt Nam. Vì vậy, việc xử lý vấn đề Campuchia của Việt Nam có tác động rất lớn đến việc bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc nói riêng và giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới nói chung. Theo nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam thì vấn đề “Campuchia có liên quan đến chiến lược của Bắc Kinh, nên nếu thay

đổi chính sách đối với Campuchia cũng chính là thay đổi chính sách đối với Trung Quốc. Đây là hai mặt của vấn đề có liên quan chặt chẽ với nhau”⁽³⁾.

Những năm 1986 – 1989, Việt Nam luôn coi mối quan hệ với Liên Xô là “hòn đá tảng trong quan hệ đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta”⁽⁴⁾. Liên Xô đang trong tiến trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc nhằm cân bằng thế chiến lược trong quan hệ Xô – Trung – Mỹ. Trong bối cảnh đó, Việt Nam tuyên bố sẽ rút 50 nghìn quân khỏi Campuchia, chủ động tìm kiếm một giải pháp chính trị để thoát khỏi cấm vận ngoại giao và cấm vận kinh tế từ Mỹ và thoát ra khỏi cuộc đàn xếp Xô – Trung về vấn đề Campuchia.

Trung Quốc muốn dùng vấn đề Campuchia để cải thiện chỗ đứng của mình với các nước lớn, thể hiện vai trò nước lớn trong việc giải quyết vấn đề Campuchia, phục vụ mục tiêu chuyển hướng chiến lược đi với Mỹ và phương Tây, cải thiện quan hệ với Liên Xô mà không làm mất lòng Mỹ. Tuy nhiên, khi Việt Nam chủ động giải quyết vấn đề Campuchia khiến Trung Quốc không thực hiện được được mục đích này vì sau khi Việt Nam tuyên bố rút khỏi Campuchia thì mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước ASEAN đã được cải thiện khiến tình hình thay đổi và tham vọng của Trung Quốc đóng vai trò 1 trong 3 nước lớn giải quyết vấn đề Campuchia khó thực hiện. Điều này khiến Trung Quốc từng bước điều chỉnh tình hình. Ngày 13/11/1988 thủ tướng Lý Bằng tuyên bố ủng hộ chính phủ liên minh bốn bên, không cố gắng theo đuổi giải pháp Khmer Đỏ như trước.

Như vậy, việc Việt Nam chủ động tuyên bố rút quân khỏi Campuchia là nhân tố lớn tác động đến quan hệ Việt – Trung,

cải thiện quan hệ với Mỹ, phương Tây và với các nước ASEAN, buộc Trung Quốc phải điều chỉnh thái độ cứng rắn đối với Việt Nam để từng bước đi đến bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

1.3. Sự xuất hiện ngày càng tăng ảnh hưởng của Mỹ

Mỹ là một cường quốc nuôi tham vọng xác lập địa vị lãnh đạo thế giới, có tác động chi phối rất lớn đến các mối quan hệ quốc tế nói chung, quan hệ Việt – Trung và vấn đề Campuchia nói riêng. Sự kiện Việt Nam tuyên bố rút 50 nghìn quân khỏi Campuchia (1988) là một động thái tích cực, thay đổi hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế và tác động trực tiếp đến thái độ của Mỹ đối với Việt Nam.

Sự kiện Việt Nam đưa quân tình nguyện sang Campuchia là một trở ngại lớn trong quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam với các nước trong khu vực, điều này đã gây ra phản ứng gay gắt từ phía Mỹ và phương Tây. Tuy nhiên năm 1988, Việt Nam tuyên bố rút 50 nghìn quân khỏi Campuchia là một động thái tích cực nhằm từng bước đổi mới hình ảnh đối ngoại của Việt Nam trên trường quốc tế và tác động trực tiếp đến thái độ của Mỹ đối với Việt Nam.

Ngày 18/7/1990, ngoại trưởng Mỹ John Baker tuyên bố từ bỏ quan điểm ủng hộ chính phủ liên hiệp Campuchia chống Việt Nam và mở hội đàm về Campuchia với Việt Nam. Sự kiện này góp phần tác động rất lớn đến việc điều chỉnh thái độ cứng rắn của Trung Quốc đối với Việt Nam. Cụ thể, tại hội nghị Thành Đô, Trung Quốc từ bỏ chính sách “bleeding Vietnam white” tạm dịch là làm cho Việt Nam chảy máu. Trong tình huống này, Trung Quốc có thay đổi chính sách và thái độ với Việt Nam là do Mỹ tác động.

1.4. Thay đổi trong tam giác quan hệ Việt – Trung – Xô

Trong quá trình cải thiện quan hệ Xô – Trung, Trung Quốc đưa ra điều kiện: Liên Xô không ủng hộ Việt Nam trong vấn đề Campuchia; rút quân khỏi Afghanistan; giảm số lượng quân lính ở biên giới hai nước. Trung Quốc đã đặt Việt Nam vào tình thế “con bài” giữa hai nước lớn, buộc Liên Xô phải lựa chọn. Chọn cải thiện quan hệ Xô – Trung đồng nghĩa với việc thay đổi quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam, giảm dần ảnh hưởng của Liên Xô ở khu vực Đông Nam Á; hoặc là giữ nguyên hiện trạng ở Campuchia đồng nghĩa với việc quan hệ Xô – Trung đóng băng.

Trước đòi hỏi của Trung Quốc, ngày 28/7/1986 tại Vladivostok, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Gorbachyov đã thể hiện động thái thỏa hiệp đối với hai trở ngại sau⁽⁵⁾, việc này đã tác động đến Việt Nam khiến Việt Nam xem xét đến sự điều chỉnh mối quan hệ với Trung Quốc.

Ngày 15/5/1989, Liên Xô – Trung Quốc bình thường hóa mối quan hệ ngoại giao. Điều này thúc đẩy Việt Nam cần phải nhanh chóng đạt được quan hệ bình thường với Trung Quốc. Năm 1991, việc Liên Xô sụp đổ đã khiến cho quan hệ tam giác không còn giá trị nữa, buộc Việt Nam phải tìm kiếm một chỗ dựa mới về kinh tế – chính trị. Đây là nhân tố góp phần thúc đẩy việc tìm kiếm một giải pháp nhanh chóng việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.

2. Các nhân tố bên trong

Khi đề cập đến các nhân tố bên trong có thể thấy nổi bật một số điểm chính như: nhu cầu đổi mới của Việt Nam; sự đổi mới tư duy đối ngoại của Việt Nam; tính toán chiến lược và lợi ích của Trung Quốc.

2.1. Nhu cầu đổi mới của Việt Nam

Cuộc khủng hoảng mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xô viết trong những năm cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của Thế kỷ XX, Việt Nam cũng không là ngoại lệ. Tình hình kinh tế – xã hội cực kỳ nghiêm trọng, một nền kinh tế yếu kém, kế hoạch hóa mang nặng tính bao cấp làm cho đời sống của người dân trong xã hội vô cùng khó khăn, tình trạng thiếu đói lương thực – thực phẩm, nạn khan hiếm về hàng hóa tiêu dùng, thêm vào đó lại xuất hiện tình trạng ngẫn sông, cấm chợ đã đẩy nền kinh tế của Việt Nam rơi vào tình trạng trì trệ. Thực trạng này buộc Đảng và Nhà nước cần phải tiến hành công tác đổi mới đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế và được xem như một yêu cầu bức thiết có ý nghĩa sống còn đối với nước ta.

Chính sách bao vây cấm vận mà Mỹ đã thực hiện sau năm 1975 khiến cho Việt Nam bị cô lập về chính trị, bị bao vây về kinh tế. Trong hoàn cảnh đó, việc tìm cơ hội mới cho phát triển kinh tế, chính trị trở thành một nhiệm vụ cấp bách của Việt Nam.

Trong rất nhiều quốc gia có thể lựa chọn thì Trung Quốc là đối tác khiến Việt Nam cần phải cân nhắc bởi: Trung Quốc vừa là láng giềng, vừa là nước lớn, có mô hình chính trị và kinh tế – xã hội tương đồng. Trung Quốc đã thực hiện chính sách cải cách khá thành công, đã trở thành một mô hình để Việt Nam trao đổi kinh nghiệm không phải mất thời gian mày mò, tìm kiếm một mô hình thích hợp. Vì vậy, việc bình thường hóa và thúc đẩy quan hệ phát triển với Trung Quốc sẽ tạo điều kiện thuận lợi về ngoại giao, kinh tế cũng như các lĩnh vực khác, là cầu nối để Việt Nam mở rộng mối quan hệ ra bên ngoài. Nếu không bình thường hóa được quan hệ với Trung Quốc

thì những cố gắng nhằm chấm dứt tình trạng đối ngoại của Việt Nam dường như chưa hoàn chỉnh.

Chính những điểm tương đồng về lợi ích khiến Việt Nam cần luôn phải cân nhắc mối quan hệ với Trung Quốc. Mặt khác, nếu để quan hệ căng thẳng với Trung Quốc sẽ là một trở ngại lớn cho chúng ta trong quá trình phá thế bao vây, cấm vận thực hiện diễn biến hòa bình từ các nước phương Tây. Tất cả mặt trái này xảy ra sẽ dẫn đến những khó khăn trong quá trình đổi mới. Chính nhu cầu đổi mới mạnh mẽ của Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy mối quan hệ chính trị Việt – Trung.

2.2. Sự đổi mới tư duy đối ngoại của Việt Nam

Sau chiến tranh biên giới 1979, Trung Quốc được coi là kẻ thù nguy hiểm trực tiếp. Tinh thần dân tộc, chống bành trướng, bá quyền, chống chính sách thù địch của Trung Quốc trở dậy. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục phối hợp với phương Tây bao vây cô lập Việt Nam, dùng vấn đề Campuchia để ép Việt Nam bình thường hóa quan hệ song phương và đa phương. Để phá thế bao vây cô lập của Mỹ và cộng đồng quốc tế, việc bình thường hóa với Trung Quốc trở thành ưu tiên hàng đầu.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) đặc biệt nhấn mạnh đến quan hệ ngoại giao Việt Nam – Trung Quốc, với mong muốn sớm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, Việt Nam khẳng định “Việt Nam sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước”⁽⁶⁾.

Quá trình đổi mới chính sách đối ngoại của Việt Nam bắt đầu đề ra từ Đại hội VI của

Đảng năm 1986, với Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị được ban hành ngày 9/7/1986, sau khi phân tích tình hình thế giới và khu vực, Nghị quyết 32 nêu lên cách tiếp cận mới là: “chuyển từ đấu tranh” sang “cùng tồn tại hòa bình với các đối tác chính”⁽⁷⁾. Đây là những nhận thức mới của Đảng Cộng sản Việt Nam so với tư duy “hai phe” “hai cực” trước đây đánh dấu sự chuyển biến trong quan hệ quốc tế của Việt Nam đặt nền móng cho sự phát triển tiếp theo.

Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị (5/1988) về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới khẳng định, Việt Nam đã chủ trương xây dựng chính sách đối ngoại theo mục tiêu “thêm bạn bớt thù”⁽⁸⁾ ra sức tranh thủ các nước anh em và dư luận rộng rãi trên thế giới, phân hóa hàng ngũ đối phương, làm thất bại âm mưu bao vây, cô lập kinh tế, chính trị, kiên quyết chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu sang đấu tranh và hợp tác cùng tồn tại hòa bình. Tư duy bạn thù bắt đầu có sự thay đổi, nhận thức bạn thù không còn cứng nhắc như trước. Sự thay đổi trong trường hợp cụ thể là Việt Nam chủ động đề nghị hai bên chấm dứt hoạt động vũ trang chống nhau, giảm tuyên truyền thù địch, chủ động rút quân khỏi Campuchia tạo điều kiện để từng bước bình thường hóa quan hệ Việt – Trung.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991), tư duy đối ngoại của Đảng tiếp tục được đổi mới. Đó là việc nhận thức về quan hệ giữa các quốc gia dân tộc, bên cạnh lợi ích mang tính giai cấp, bị chi phối bởi ý thức hệ còn có những lợi ích mang tính phổ biến, tính toàn cầu. Trong một xu thế mà sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng gia tăng thì việc hợp tác cùng phát triển đó là

một xu thế tất yếu. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII khẳng định chủ trương “hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội khác nhau trên nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”⁽⁹⁾.

Chính sự thay đổi này đã góp phần thúc đẩy quan hệ song phương và đa phương của Việt Nam với các quốc gia nói chung và quan hệ chính trị Việt – Trung nói riêng để đi đến bình thường hóa quan hệ vào năm 1991. Kết quả này là bằng chứng sinh động thể hiện sự chuyển biến mạnh mẽ tư duy đối ngoại của Đảng trong việc xác định bạn – thù.

Tóm lại, khi phân tích những nhân tố bên trong tác động đến quá trình bình thường hóa quan hệ Việt – Trung, nhìn dưới góc độ nghiên cứu từ Việt Nam thì người viết cho rằng: sự thay đổi tư duy trong xác định bạn – thù là yếu tố chính dẫn đến sự thay đổi trong chính sách đối ngoại Việt Nam giai đoạn đổi mới cũng như thúc đẩy Việt Nam nhanh chóng bình thường hóa quan hệ Việt – Trung và khuôn khổ hóa quan hệ.

2.3. *Tính toán chiến lược của Trung Quốc*

Đối với Trung Quốc, kể từ khi thực hiện cải cách mở cửa năm 1978, quốc lực tăng cường nhanh chóng. Về chính trị, chế độ Xã hội Chủ nghĩa của Trung Quốc tiếp tục tồn tại, nền chính trị trong nước ổn định. Về ngoại giao, Trung Quốc thực hiện chính sách độc lập tự chủ và kiên trì cải cách mở cửa, có tiếng nói ngày một lớn hơn trên trường quốc tế. Về kinh tế, trên cơ sở chính sách cải cách mở cửa giành được thành quả lớn, thúc đẩy vững chắc thể chế kinh tế thị trường, cơ bản đã thực hiện được nền kinh tế phát triển lành

manh, ổn định. Sau khi bước vào thập kỷ 80, sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc phát triển hơn nữa, cố gắng nhanh chóng hoà nhập vào làn sóng của nền kinh tế thế giới, trở thành cường quốc kinh tế thế giới, điều này đòi hỏi bức thiết một môi trường quốc tế và môi trường xung quanh hoà bình ổn định. Vì vậy, bình thường hóa quan hệ với Việt Nam cũng là tính toán chiến lược và lợi ích của Trung Quốc

Việt Nam là nước láng giềng của Trung Quốc, quan hệ với Việt Nam như thế nào liên quan tới việc biên giới phía nam của Trung Quốc có giữ được ổn định hay không. Ngay từ năm 1986, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra chỉ thị về ổn định biên giới phía nam, “biên giới phía Nam vô sự có lợi cho xây dựng bốn hiện đại hoá của Trung Quốc”. Vì vậy, Trung Quốc có nhu cầu cải thiện quan hệ với Việt Nam để phát triển vùng Tây Nam Trung Quốc, ngăn chặn ảnh hưởng của phương Tây đối với Việt Nam. Thực tế này đã làm cho thái độ của Trung Quốc đối với Việt Nam có sự thay đổi tương đối lớn, thể hiện nguyện vọng Trung Quốc không muốn đối kháng với Việt Nam, mà muốn cải thiện quan hệ. Từ “Nhân dân nhật báo” ngày 9 tháng 6 năm 1987 đưa tin về Quốc hội Việt Nam khoá VIII họp phiên đầu tiên; ngày 18 tháng 1 năm 1989, Trung Quốc đồng ý đàm phán với Việt Nam, giải quyết những vấn đề hai bên còn vướng mắc, sớm thực hiện bình thường hoá quan hệ hai nước. Ngày 12 tháng 8 năm 1990, Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Lý Bằng tuyên bố “hy vọng của Trung Quốc là khôi phục bình thường hóa với Việt Nam”.

Hơn nữa, sau sự kiện Thiên An Môn, Trung Quốc bị phương Tây trừng phạt lại phải đối phó với sự tan rã chủ nghĩa xã hội

ở Liên Xô và Đông Âu, Trung Quốc buộc phải điều chỉnh chiến lược giải tỏa quan hệ với các nước phương Tây và cải thiện quan hệ với các nước láng giềng, phục vụ cho yêu cầu cải cách và mở cửa của Trung Quốc.

3. Kết luận

Trong quá trình vận động và xây dựng mối quan hệ chính trị Việt – Trung cũng có khi là tốt đẹp cũng có những khúc mắc bất đồng cũng như đã có những nhân nhượng để tiến tới quá trình bình thường hóa. Tất cả sự vận động mối quan hệ song phương này đều phục vụ cho sự phát triển riêng của mỗi nước. Cũng cần nói thêm rằng đối với Việt Nam, dưới tác động của cả yếu tố bên trong và bên ngoài thì sự thay đổi tư duy đối ngoại đặc biệt trong việc xác định tư duy về bạn – thù có ý nghĩa quyết định đối với việc bình thường hóa và thúc đẩy quan hệ song phương Việt – Trung. Quá trình bình thường hóa quan hệ Việt – Trung đã chứng minh đường lối và chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam, góp phần quan trọng phá được thế bị bao vây, cấm vận, tạo nền tảng cho sự phát triển của đất nước trong thời kỳ đổi mới hội nhập và phát triển.

Nghiên cứu các nhân tố tác động đến quá trình bình thường hóa quan hệ Việt – Trung còn cho ta thấy chủ trương bình thường hóa quan hệ Việt – Trung là quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên cũng đặt ra cho chúng ta nhiều bài học quý báu trong khi xử lý mối quan hệ với Trung Quốc đó là chính sách hai mặt mà Trung Quốc. khiến chúng ta phải đề cao cảnh giác. Một mặt, chúng ta tiếp tục xúc tiến quan hệ bình thường với Trung Quốc, mặt khác phải có đối sách thích hợp bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ta.

**FACTORS AFFECTING THE NORMALIZATION PROCESS OF
THE POLITICAL RELATION OF VIETNAM – CHINA (1986 – 1991)**

Nguyen Thi Phuong

University of Social Sciences and Humanities (VNU-HCM)

ABSTRACT

Impacting the political ties between Vietnam and China during the period of 1989 – 1991 were both internal and external factors. Those factors have had different impacts in different historical periods. The collapse of socialism in the Soviet Union and Eastern Europe, the handling of Cambodia problem, increasing influence of the U.S., the changes in the triangular relations between Vietnam – China – Russia, the demands to change of Vietnam, the new thinking in foreign affairs of Vietnam, and strategic considerations of China have been the prominent factors in the process of normalizing relation between Vietnam – China. Despite how the political ties of Vietnam – China change and develop, the internal factors still play a decisive role to the relationship which has been full of ups and downs.

CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Năm 1999 lãnh đạo hai nước xác định khuôn khổ quan hệ bằng phương châm 16 chữ: “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”, từ năm 2004 Việt Nam và Trung Quốc xác định khuôn khổ hợp tác thông qua phương châm 4 tốt: “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt” sau đó, xác lập quan hệ đối tác và nâng cấp mối quan hệ này thành quan hệ đối tác chiến lược
- (2) Vũ Hồng Lâm, *Lịch sử quan hệ Việt – Trung nhìn từ góc độ đại chiến lược*, Tạp chí Thời đại, truy cập tại <http://www.tapchithoidai.org/200402>
- (3) Phạm Quang Minh, *Chính sách đối ngoại của Việt Nam 1986 – 2010*, NXB Thế giới, 2012, tr. 57.
- (4) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ VI*, NXB Chính trị Quốc gia, 1987.
- (5) Sveinung Johannes Sloreby, *Explaining improvement of bilateral relations: the case of Vietnam's relation with China, 1985 – 2001*, SUM Dissertations and theses No 2002.01, University of Oslo, 2002.
- (6) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Chính trị Quốc gia, 1987.
- (7) Bộ Chính trị, *Nghị quyết 32 về “tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta”*, tài liệu lưu trữ tại Cục Văn thư Lưu trữ Trung ương Đảng, 1986.
- (8) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết 13 về đường lối đối ngoại của Đảng*, Tài liệu lưu trữ tại Ban đối ngoại Trung ương Đảng, 1988, tr.5.
- (9) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự Thật, 1991, tr.137